

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 49/2024/HS-ST
Ngày: 30-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Hùng;

Ông Nguyễn Văn Bé;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2024/TLST-HS, ngày 27 tháng 8 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-HS, ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Phước S, sinh ngày 01/01/1984, tại huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phước N và bà Nguyễn Thị N1; vợ tên: Trương Thị D; con: 03 người con, lớn nhất sinh năm 2010 và nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/5/2024 cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1965 (đã chết);

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bị hại là:

- 1/ Ông **Thái Văn B**, sinh năm 1966 (Chồng của bị hại, có mặt);
 - 2/ Anh **Thái Tuấn A**, sinh năm 1990 (Con của bị hại, có mặt);
 - 3/ Anh **Thái Tuấn E**, sinh năm 1993 (Con của bị hại, vắng mặt);
 - 4/ Chị **Thái Thị Tú Q**, sinh năm 1995 (Con của bị hại, có mặt);
- Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- 1/ Anh **Lê Phước D1**, sinh năm 1970 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;

- 2/ Chị **Trương Thị D**, sinh năm 1982 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;

- 3/ **Công ty B2** (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số C, T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ ngày 18/3/2024, bị cáo điều khiển xe ô tô tải biển số 83C-084.64 chở theo vợ là chị Trương Thị D ngồi ở ghế bên phải phía trước, bắt đầu di chuyển đi từ huyện M, tỉnh Sóc Trăng đến huyện T, tỉnh Trà Vinh để giao bột đường cho khách hàng. Khi bị cáo điều khiển phương tiện lưu thông trên tuyến Quốc lộ E theo hướng từ ngã tư xã P, huyện T đến huyện T, tỉnh Trà Vinh, đến khoảng 06 giờ 00 phút đến khu vực ngã tư giao lộ giữa Quốc lộ E với đường lộ nhựa thuộc ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Khi đi gần đến ngã tư G trên thì bị cáo nhìn thấy bà Nguyễn Thị T đang dẫn xe đạp đi một mình trên đường lộ nhựa ra Quốc lộ E để đi qua lộ và đi theo hướng từ bên lề phải sang lề trái tính theo hướng xe ô tô tải đang lưu thông. Khi nhìn thấy bà T đang dẫn xe đạp qua lộ và đi đến gần khu vực giữa lộ, nhưng vẫn còn ở bên phần đường bên phải thì lúc này bị cáo có ấn còi xe nhiều lần để cảnh báo cho bà T biết có phương tiện xe ô tô tải đang di chuyển tới khu vực giao lộ ngã tư để xin nhường đường. Tại thời điểm nhìn thấy bà T và ấn còi xe phát tín hiệu xin nhường đường thì bà T còn ở bên phải mặt lộ. Lúc này bị cáo tiếp tục điều khiển xe đi về phía trước, không có sử dụng phanh để giảm tốc độ, khi xe di chuyển gần đến giao lộ ngã tư thì cùng lúc đó thì bà T cũng đang dẫn xe đạp đi qua giao lộ ngã tư và đã đi sang đến phần đường bên trái. Do bị cáo không hãm phanh để giảm tốc độ xe khi đi vào khu vực ngã tư nên lúc này bị cáo đánh lái đưa phương tiện lấn

về bên trái mặt lộ theo hướng xe ô tô tải đang di chuyển và đã đụng vào bà T dẫn đến bà T tử vong tại chỗ, sau đó xe ô tô tải tiếp tục di chuyển thêm một đoạn nữa thì ngừng lại.

Khi tai nạn xảy ra bị cáo nhờ người dân điện thoại trình báo Cơ quan Công an và bị cáo cùng vợ ở lại tại hiện trường chờ lực lượng Công an đến hiện trường để giải quyết.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Đội Cảnh sát giao thông, trật tự Công an huyện T phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện T tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định:

Theo biên bản khám nghiệm hiện trường, đoạn đường xảy ra vụ tai nạn là đoạn đường nhựa, mặt lộ rộng 8 mét, có vạch kẻ phân chia làn đường, tầm nhìn không bị che khuất, có biển báo giao nhau với đường không ưu tiên; lề phải được xác định từ hướng huyện T, tỉnh Trà Vinh đi huyện C, tỉnh Trà Vinh; điểm mốc cố định được xác định nằm bên lề phải hướng từ huyện C, tỉnh Trà đi huyện T, tỉnh Trà Vinh là trụ cột mốc đường ký hiệu số H1/110; tâm khu vực đụng nằm bên phần đường bên phải hướng từ huyện T, tỉnh Trà Vinh đi huyện C, tỉnh Trà Vinh; cách lề phải là 3,10 mét; cách trụ cột mốc đường ký hiệu số H1/110 là 6,30 mét; cách đầu vết cày số 4 của xe đạp là 1,50 mét; cách đầu vết cày số 5 của xe đạp là 2,40 mét; cách tâm xe của xe đạp là 22,40 mét; cách nạn nhân là 14,40 mét; cách trục bánh xe trước bên phải của xe ô tô tải biển số 83C-084.64 là 22,90 mét; cách biển báo giao nhau với đường không ưu tiên là 107,5 mét.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành trưng cầu giám định pháp y về tử thi; giám định nồng độ cồn trong máu của bà Nguyễn Thị T; đo nồng độ cồn trong hơi thở, kiểm tra chất ma túy trong cơ thể người đối với bị cáo và giám định về dấu vết cơ học đối với vụ tai nạn trên.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 136/KLGĐTT-KTHS ngày 21 tháng 03 năm 2024 của phòng K Công an tỉnh T kết luận: qua giám định tử thi Nguyễn Thị T thì nguyên nhân dẫn đến tử vong là do đa chấn thương.

Tại bản kết luận giám định số 143/KL-KTHS ngày 02 tháng 04 năm 2024 của phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Mẫu máu đựng trong 01 (một) ống nhựa thu từ tử thi Nguyễn Thị Thanh gửi giám định không tìm thấy thành phần E1 (cồn) và tại biên bản đo nồng độ cồn trong hơi thở đối với bị cáo ngày 18/3/2024 có kết quả là 0,000mg/l khí thở. Ngoài ra, tại biên bản kiểm tra chất ma túy trong cơ thể người đối với bị cáo ngày 18/3/2014 cho kết quả kiểm tra là âm tính.

Tại bản kết luận giám định về dấu vết cơ học số: 180/KL-KTHS ngày 08 tháng 05 năm 2024 của phòng K Công an tỉnh T, kết luận:

+ Xe ô tô tải biển số 83C-084.64 có va chạm với xe đạp. Các bộ phận đầu xe bên phải (nắp capo, đèn tín hiệu, mặt trước dưới cản trước, mặt trước biển số) của xe ô tô tải biển số 83C-084.64 va chạm vào các bộ phận bên trái xe đạp (tay lái, lốp bánh trước, khung sườn, yên xe, bàn đạp) là các bộ phận va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện. Chiều xuống mặt đường thuộc phần đường bên trái Quốc lộ E, hướng từ huyện C đi huyện T.

+ Ngay trước khi va chạm: Xe ô tô tải biển số 83C-084.64 chuyển động thẳng lệch trái trên Quốc lộ E, hướng từ huyện C đi huyện T; xe đạp chuyển động thẳng, từ lề bên phải sang lề bên trái Quốc lộ E, hướng từ huyện C đi huyện T.

+ Không đủ cơ sở kết luận vận tốc của xe ô tô tải biển số 83C-084.64 và xe đạp ngay trước thời điểm va chạm với nhau trong vụ tai nạn giao thông đường bộ nêu trên.

Tại báo cáo kết luận điều tra của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, kết luận và xác định lỗi như sau:

Bị cáo điều khiển xe ô tô tải biển số 83C-084.64 có giấy phép lái xe phù hợp khi đi đến ngã tư giao lộ giữa Quốc lộ E và đường nhựa thuộc ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh thì điều khiển phương tiện chuyển động thẳng lệch trái trên Quốc lộ E, hướng từ huyện C, tỉnh Trà Vinh đến huyện T, tỉnh Trà Vinh, do đi không đúng phần đường quy định nên đã đụng vào bà Nguyễn Thị T dẫn đến bà Nguyễn Thị T bị té ngã đa chấn thương và tử vong tại hiện trường. Bị cáo điều khiển xe đã vi phạm vào khoản 1, Điều 9 Luật giao thông đường bộ năm 2008. Tại khoản 1, Điều 9 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định: *“Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ”* và vi phạm vào điểm a, khoản 7, Điều 5 Nghị định 100/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Tại điểm a, khoản 7, Điều 5 Nghị định 100/NĐ-CP ngày 30/12/2019 quy định: *“không đi đúng phần đường, làn đường”*.

Ngoài ra, bị cáo điều khiển xe ô tô tải biển số 83C-084.64 chở hàng vượt trọng tải 21,2% theo biên bản cân trọng tải ngày 18/3/2024, đã vi phạm vào khoản 1, Điều 28 Luật giao thông đường bộ năm 2008 và vi phạm vào Điểm a, Khoản 2, Điều 24 Nghị định 100/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Đối với bà Nguyễn Thị T không có lỗi trong vụ tai nạn giao thông này.

Như vậy, trong vụ tai nạn giao thông đường bộ trên thì bị cáo là người có lỗi điều khiển phương tiện đi không đúng phần đường quy định và điều khiển xe quá tải trọng.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi của mình đã vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ như cáo trạng đã nêu.

Vật chứng, đồ vật, tài liệu thu giữ gồm có: 01 (một) xe ô tô tải, nhãn hiệu ISUZU, biển số 83C-084.64; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017063, cấp ngày 07/6/2020, biển đăng ký: 83C-084.64, tên chủ xe Lê Phước D1; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 1596564 cấp ngày 30/5/2023, biển đăng ký: 83C-084.64, số phiếu kiểm định: 6901V-04928/23 (Bản chính); 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm hàng không (VNI) số AD22/0765473 cấp ngày 21/01/2024, biển số kiểm soát: 83C-084.64, tên chủ xe: Lê Phước D1 và 01 (một) chiếc xe đạp.

Xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu: Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Lê Phước D1, gồm: 01 (một) xe ô tô tải, nhãn hiệu ISUZU, biển số 83C-084.64; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017063, cấp ngày 07/6/2020, biển đăng ký: 83C-084.64; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 1596564, cấp ngày 30/5/2023 (bản chính); 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm hàng không (VNI) số AD22/0765473 (bản chính) đã nêu trên. Trả lại cho ông Thái Văn B 01 (một) chiếc xe đạp.

Tại cáo trạng số: 36/CT-VKSTC-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, sau khi phân tích hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý vụ án như sau:

Về trách nhiệm hình sự:

Đề nghị áp dụng a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Lê Phước S 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 (hai) năm đến 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/9/2024).

Giao người được hưởng án treo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đã giải quyết xong, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền là 154.000.000 đồng, những người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường thêm khoản nào khác, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với xe ô tô tải của anh Lê Phước D1 có mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự nhưng anh D1 và bị cáo không yêu trong vụ này mà tự thỏa thuận với bảo hiểm, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Thái Văn B trình bày: Bị cáo đã bồi thường cho gia đình ông số tiền là 154.000.000 đồng, ông không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất kỳ khoản nào khác. Về trách nhiệm hình sự ông yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Người đại diện hợp pháp của bị hại anh Thái Tuấn A trình bày: Bị cáo đã bồi thường cho gia đình anh số tiền là 154.000.000 đồng, anh không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất kỳ khoản nào khác. Về trách nhiệm hình sự anh yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhưng xem xét xử hình phạt tù đối với bị cáo để đảm bảo răn đe sau này bị cáo lái xe cẩn thận hơn.

Người đại diện hợp pháp của bị hại chị Thái Thị Tú Q trình bày: Bị cáo đã bồi thường cho gia đình chị số tiền là 154.000.000 đồng, chị không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất kỳ khoản nào khác. Về trách nhiệm hình sự chị yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo còn mức hình phạt thế nào thì do Hội đồng xét xử quyết định chị không ý kiến.

Người đại diện hợp pháp của bị hại anh Thái Tuấn E có đơn xin vắng mặt có lời khai thể hiện: Bị cáo đã bồi thường cho gia đình anh số tiền là 154.000.000 đồng, anh không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất kỳ khoản nào khác. Về trách nhiệm hình sự anh yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Phước D1 trình bày: Xe ô tô tải do bị cáo lái thuê cho anh thì anh có mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự, anh không yêu cầu giải quyết trong vụ này để anh với Công ty B2 tự thỏa thuận giải quyết, nếu không thỏa thuận được anh sẽ khởi kiện trong vụ án khác. Đối với xe anh có hư hỏng một phần anh đã tự sửa chữa anh không yêu cầu bị cáo bồi thường bất kỳ khoản nào cho anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị D trình bày: Số tiền bồi thường cho gia đình bị hại là 154.000.000 đồng là của cá nhân bị cáo, chị không có quyền lợi gì trong vụ án này, nên không có yêu cầu gì.

Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin được hưởng án treo, do cha, mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận vào khoảng 03 giờ ngày 18/3/2024, bị cáo điều khiển xe ô tô tải biển số 83C-084.64 di chuyển đi từ huyện M, tỉnh Sóc Trăng đến huyện T, tỉnh Trà Vinh, đến khoảng 06 giờ 00 phút đến khu vực ngã tư giao lộ giữa Quốc lộ E với đường lộ nhựa thuộc ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Khi đi gần đến ngã tư G thì bị cáo nhìn thấy bà Nguyễn Thị T đang dẫn xe đạp đi một mình trên đường lộ nhựa ra Quốc lộ E để đi qua lộ và đi theo hướng từ bên lề phải sang lề trái đi đến gần khu vực giữa Quốc lộ E, nhưng vẫn còn ở bên phần đường bên phải thì lúc này bị cáo có ấn còi xe nhiều lần để xin nhường đường và bị cáo tiếp tục điều khiển xe đi về phía trước, không có sử dụng phanh để giảm tốc độ. Khi xe ô tô tải di chuyển gần đến giao lộ ngã tư thì cùng lúc này bà T cũng đang dẫn xe đạp đi qua giao lộ ngã tư và đã đi sang đến phần đường bên trái Quốc lộ E theo hướng xe ô tô tải đang lưu thông. Do không hãm phanh để giảm tốc độ phương tiện khi đi vào khu vực ngã tư nên lúc này bị cáo đánh lái về bên trái mặt lộ theo hướng xe ô tô tải đang di chuyển và đã đụng vào bà T dẫn đến bà T tử vong tại chỗ. Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với những lời khai của người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản tạm giữ tang vật, kết luận giám định, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản ảnh tang vật và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 06 giờ ngày 18/3/2024, bị cáo có giấy phép lái xe phù hợp, điều khiển xe ô tô tải, biển số 83C-084.64 đến ngã tư giao lộ giữa Quốc lộ E với đường lộ nhựa thuộc ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh thì bị cáo nhìn thấy bà Nguyễn Thị T đang dẫn xe đạp đi một mình trên đường lộ nhựa ra Quốc lộ E để đi qua lộ thì bị cáo có ấn còi xe nhiều lần để xin nhường đường và không giảm tốc độ xe mà điều khiển xe lấn qua bên trái mặt lộ theo hướng xe ô tô tải đang di chuyển nên đã đụng vào người bà T dẫn đến bà T tử vong tại chỗ, bị cáo lỗi hoàn toàn nguyên nhân chính trực tiếp dẫn đến vụ tai nạn là do bị cáo đi

không đi đúng làn đường, phần đường và không chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ; chở hàng vượt tải trọng nên đã vi phạm đã vi phạm vào khoản 1, Điều 9 và khoản 1, Điều 28 của Luật giao thông đường bộ năm 2008, bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, khi đã thành niên nên có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và trực tiếp xâm phạm đến an toàn giao thông đường bộ. Hành vi này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Cho nên Cáo trạng số: 36/CT-VKS-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Tuy trong vụ án này bị cáo phạm tội với lỗi vô ý nhưng do bị cáo điều khiển xe quá ẩu, nên gây ra vụ tai nạn giao thông, lỗi hoàn toàn do bị cáo gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không có tiền án, tiền sự; nhân thân: Tốt.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại; tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải; người đại diện hợp pháp của hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bà ngoại là bà Võ Thị B1 được tặng thưởng quân chương kháng chiến hạng Ba; bị cáo đang nuôi con nhỏ; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần bị hạn chế. Do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7] Bị cáo đã thành niên được cấp giấy phép lái xe hạng B2 vào năm 2013, quá trình học bị cáo biết rõ việc lái xe đi không đi đúng phần đường, làn đường và không chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ; chở hàng vượt tải trọng là vi phạm Luật Giao thông đường bộ nên bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo khi tham gia giao thông trước thời điểm gây ra tai nạn bị cáo đã phát hiện bị hại đang đứng giữa lộ đây là chướng ngại vật đáng lẽ ra bị cáo phải giảm tốc độ, hãm phanh giảm tốc độ tối đa có thể và chạy đúng làn đường, phần đường bên phải của mình, tuy nhiên do bị cáo điều khiển xe quá ẩu, nghĩ bị hại không qua lộ nên bị cáo đã điều khiển xe lấn trái mà không giảm tốc độ, không hãm phanh để tránh bị hại nên gây ra tai nạn dẫn đến bị hại chết thể hiện bị cáo xem thường pháp luật, xem thường sức khỏe, tính mạng của chính mình và của những người khác cùng tham gia giao thông. Hành vi vi phạm an toàn giao thông đường bộ của bị cáo đã gây ra hậu quả bị hại chết ngoài ra còn có khả năng gây ra tai nạn cho những phương tiện khác lưu thông ngược hướng với bị cáo. Việc bị cáo xin được hưởng án treo là không đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 và Nghị

quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về áp dụng Điều 65 của Bộ Luật Hình sự về án treo, nên Hội đồng xét xử không thể áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 để cho bị cáo được hưởng án treo. Vì hành vi của bị cáo là nghiêm trọng gây nguy hiểm cho xã hội, nếu cho bị cáo được hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn giao thông.

Hiện nay vấn đề tai nạn giao thông đang là mối quan tâm hàng đầu của toàn xã hội, Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật để mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành luật giao thông nhằm đảm bảo tính mạng, sức khỏe, tài sản cho mọi người khi tham gia giao thông, hạn chế mức thấp nhất những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản do tai nạn giao thông gây ra nhưng do bị cáo xem thường pháp luật không chấp hành nghiêm về an toàn giao thông đường bộ gây ra hậu quả là bà T tử vong khiến cho gia đình bị hại mất đi một người vợ, một người mẹ, một người bà, thiệt hại này không có gì bù đắp được cho gia đình bị hại. ngoài ra hành vi của bị cáo còn gây ra tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân không an tâm khi tham gia giao thông, gây mất an toàn trật tự giao thông tại địa phương. Nhất là trong thời điểm Đảng và Nhà nước đang tìm mọi biện pháp để giảm số vụ tai nạn giao thông nhằm kéo giảm số người chết, bị thương và thiệt hại do tai nạn giao thông gây ra nhưng đến nay tai nạn giao thông vẫn chưa giảm đáng kể. Do đó, cần xét xử hình phạt tù đối với bị cáo mới đảm bảo được tính giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, mức độ phạm tội của bị cáo như đã phân tích nêu trên một cách toàn diện, thận trọng để ra một Bản án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Việc không cho bị cáo được hưởng án treo Hội đồng xét xử đã căn nhắc một cách toàn diện tính chất của vụ án.

[8] Hội đồng xét xử đã thẩm tra về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về vật chứng: Đã giải quyết xong, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận bồi thường của bị cáo số tiền là 154.000.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường thêm khoản

nào khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với xe ô tô tải của anh Lê Phước D1 có mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự nhưng anh D1 và bị cáo không yêu giải quyết trong vụ án này mà tự thỏa thuận với Công ty bảo hiểm, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Khi nào anh D1 và bị cáo có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[11] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần, đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là không phù hợp nên không chấp nhận.

[12] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Lê Phước S phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

1. Về Trách nhiệm hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Phước S 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về vật chứng: Đã giải quyết xong, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận bồi thường của bị cáo số tiền là 154.000.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường thêm khoản nào khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với xe ô tô tải biển số 83C-084.64 của anh Lê Phước D1 có mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự của Công ty B2 nhưng anh D1 và bị cáo không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Khi nào anh D1 và bị cáo S có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Phước S bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Cơ quan cảnh sát điều tra và Cơ quan THAHS Công an huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân xã M huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Bị cáo và các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân